

QUY ĐỊNH GIAO DỊCH HĐTL CHỈ SỐ CỔ PHIẾU VN100

1. Sản phẩm Hợp đồng tương lai Chỉ số VN100

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG
Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai trên chỉ số VN100
Mã hợp đồng	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện cấp mã giao dịch hợp đồng tương lai đảm bảo cấu trúc mã giao dịch theo quy định của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Hệ số nhân hợp đồng	100.000 VND
Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)
Biên độ giao động giá	+/- 7%
Đơn vị giao dịch	01 hợp đồng
Bước giá	0.1 điểm chỉ số
Giới hạn lệnh	500 hợp đồng/lệnh
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày thứ Năm thứ ba trong tháng đáo hạn, nếu trùng ngày nghỉ điều chỉnh lên ngày giao dịch trước đó
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng
Phương pháp xác định giá thanh toán tại ngày giao dịch cuối cùng	Là giá trị trung bình số học đơn giản của chỉ số trong 30 phút cuối cùng của ngày giao dịch cuối cùng (bao gồm 15 phút khớp lệnh liên tục và 15 phút khớp lệnh định kỳ đóng cửa), sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất của phiên khớp lệnh liên tục.
Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
Giới hạn vị thế	5.000 hợp đồng/nhà đầu tư cá nhân; 10.000 hợp đồng/nhà đầu tư tổ chức; 20.000 hợp đồng/nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, hai tháng cuối 02 quý tiếp theo Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 4. Các tháng đáo hạn là tháng 4, tháng 5, tháng 6 và tháng 9

2. Thời gian giao dịch:

Giao dịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Thời gian	Phiên giao dịch	Loại lệnh
8h45 – 9h00	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	ATO, LO Không được hủy lệnh
9h00 – 11h30	Khớp lệnh liên tục phiên sáng	LO, MOK, MAK, MTL Được hủy lệnh
11h30 – 13h00	Nghỉ giữa phiên	

Thời gian	Phiên giao dịch	Loại lệnh
13h00 - 14h30	Khớp lệnh liên tục phiên chiều	LO, MTL, MOK, MAK Được hủy lệnh
14h30 - 14h45	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	ATC, LO Không được hủy lệnh
8h45 - 11h30 & 13h00 - 14h45	Giao dịch thỏa thuận	Lệnh thỏa thuận

3. Các loại lệnh:

- **Lệnh ATO (ATC):** là lệnh đặt mua/bán chứng khoán phái sinh tại mức giá mở cửa (đóng cửa). Lệnh không ghi giá cụ thể, ghi ATO/ATC. Lệnh được ưu tiên trước lệnh LO trong khi khớp lệnh và tự động hủy khi kết thúc phiên định kỳ.
- **Lệnh LO (lệnh giới hạn):** lệnh mua/bán chứng khoán phái sinh tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn. Lệnh có ghi giá cụ thể và có hiệu lực đến khi kết thúc ngày giao dịch hoặc đến khi được hủy bỏ.
- **Lệnh thị trường:** lệnh mua tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh sử dụng trong các đợt giao dịch khớp lệnh liên tục và sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng.
- **Lệnh thị trường – Giới hạn (MTL):** Lệnh được nhập vào nếu không khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành lệnh giới hạn.
- **Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK):** lệnh nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập.
- **Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK):** lệnh có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần. Phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.

4. Phương thức giao dịch

- **Giao dịch khớp lệnh:**
 - ✓ **Phương thức khớp lệnh định kỳ:** được sử dụng để xác định giá mở cửa và giá đóng cửa trong phiên giao dịch bằng phương thức so khớp các lệnh mua và bán chứng khoán phái sinh tại thời điểm kết thúc phiên mở cửa (9:00 am) và đóng cửa (2:45 pm).
 - ✓ **Phương thức khớp lệnh liên tục:** là Phương thức so khớp các lệnh mua và bán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch trên nguyên tắc xác định giá thực hiện là mức giá của các lệnh giới hạn đối ứng nằm chờ trên sổ lệnh.
- **Giao dịch thỏa thuận:** là phương thức các bên mua bán thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch. Sau đó, giao dịch sẽ được công ty chứng khoán thành viên bên bán và mua nhập vào hệ thống giao dịch để ghi nhận kết quả.

5. Nguyên tắc so khớp lệnh:

- **Ưu tiên về giá:**
 - ✓ Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước
 - ✓ Lệnh bán với mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước
- **Ưu tiên về thời gian:** Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước được ưu tiên thực hiện trước.

6. Hủy/sửa lệnh giao dịch

▪ **Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:**

- ✓ Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.
- ✓ Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:
 - Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng.
 - Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/hoặc sửa giá.
- ✓ Không được phép sửa, hủy lệnh trong toàn bộ phiên khớp lệnh định kỳ.

▪ **Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:**

- ✓ Giao dịch thỏa thuận đã được xác lập trên hệ thống giao dịch (có sự tham gia xác nhận của hai bên giao dịch) không được phép sửa hoặc hủy bỏ.
- ✓ Trong thời gian giao dịch, trường hợp thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh nhập sai lệnh giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh được phép sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận khi lệnh chưa được bên đối tác xác nhận.

7. Quy định về tài khoản giao dịch phái sinh

Tham số	Các mức quy định	Ghi chú
Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	18%	
Tỷ lệ giao dịch tối đa trên tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ (Tỷ lệ an toàn)	80%	
Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì (Tỷ lệ cảnh báo)	80 – 90 %	
Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ xử lý (Tỷ lệ xử lý)	95%	Khi tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ thực tế $\geq$ Tỷ lệ xử lý, KBSV sẽ tự động điều chuyển tiền từ tài khoản của Khách hàng tại KBSV lên VSD hoặc ngược lại để bổ sung ký quỹ và/hoặc thực hiện đóng vị thế bắt buộc để đưa tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ của tài khoản về Tỷ lệ an toàn.

- **Tỷ lệ Ký quỹ ban đầu (IM):** Là tỷ lệ ký quỹ bắt buộc trước khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh được Công ty thông báo/quy định vào từng thời điểm.
- **Giá trị Ký quỹ ban đầu (RMA):** Là giá trị ký quỹ tối thiểu khách hàng phải nộp, được tính theo công thức sau:

$$RMA = IM \times \text{số hợp đồng} \times \text{giá giao dịch} \times \text{hệ số nhân hợp đồng}$$

- ✓ Trong phiên giao dịch: Giá giao dịch sẽ là giá khớp tại thời điểm hiện tại;

✓ Cuối ngày giao dịch: Giá giao dịch sẽ là giá thanh toán cuối ngày.

- **Tỷ lệ ký quỹ thực tế (Rtt):** $Rtt = ((\text{Giá trị ký quỹ ban đầu} + \text{Giá trị lỗ VM}) * 100) / \text{Giá trị ký quỹ hợp lệ tại CTCK}$